

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/HS-ST
Ngày: 07-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm.
- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 195/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HS ngày 24/10/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Văn P**, sinh năm 1994 tại tỉnh Đắk Lắk; hộ khẩu thường trú: **Thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: P, nhà trọ T, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Phan Văn B**, sinh năm 1965 và bà **Dương Thị C**, sinh năm 1970; bị cáo có vợ tên **Lê Thị Diễm H**, sinh năm 1992 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2023 cho đến nay – bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thanh T**, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: **Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở: P, Nhà T, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Trần Công E**, sinh năm 1968 và bà **Dương Ngọc D**, sinh năm 1971; bị cáo có vợ tên **Nguyễn Thị Kiều T1**, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2023 cho đến nay – bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. **Đồng Xuân K**, sinh năm 1989 – vắng mặt;
2. **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1991 – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn P, **Trần Thanh T** là bạn bè với nhau và là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy đá (loại Methamphetamine). Nguồn ma túy mà **P** và **T** có để sử dụng là do mua của đối tượng **N** (không rõ lai lịch) ở **đường N, thuộc khu phố D, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương**.

Khoảng 19 giờ ngày 14/4/2023, khi **P** và **Đồng Xuân K** đi uống bia về phòng số 23, nhà trọ **T**, thuộc khu phố A, phường H, thị xã B do **P** thuê ở. Tại đây, **K** ngủ trong phòng, còn **P** điện thoại nhờ **Trần Thanh T** mua giúp 200.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Do **Trần Thanh T** đang bận việc nên **Trần Thanh T** gửi danh thiếp **Z** của **N** cho **P** liên hệ mua ma túy. Sau đó, **P** điện thoại cho **N** hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và xin thêm 01 nỏ thủy tinh để sử dụng thì **N** đến phòng trọ của **P**, bán cho **P** 01 đoạn ống hút chứa ma túy đá cùng 01 (một) nỏ thủy tinh. Tại đây, **N** lấy toàn bộ ma túy trong đoạn ống hút vừa bán cho **P** bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng một ít ma túy rồi đi về, **P** lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy nhưng không sử dụng hết và để bộ dụng cụ trên nền nhà trong phòng, rồi ngồi chơi game trên điện thoại.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, **P** điện thoại cho **Trần Thanh T** đến phòng trọ nạp giúp tiền để chơi game thì **Trần Thanh T** đồng ý và rủ bạn tên **T** (không rõ lai lịch) đến phòng trọ của **P** chơi. Tại đây, **P** rủ **Trần Thanh T** và **T** sử dụng ma túy, đồng thời chỉ bộ dụng cụ chứa ma túy đá mà **P** chưa sử dụng hết để **Trần Thanh T** và **T** tự lấy sử dụng. Lúc này, **Nguyễn Văn H1** gọi điện thoại cho **P** xin đến sử dụng ma túy thì **P** đồng ý. Một lúc sau, **H1** đến rồi cùng **Trần Thanh T**, **T** sử dụng hết ma túy trong bộ dụng cụ. Sau đó, **P** nhờ **Trần Thanh T** hỏi mua giúp thêm 200.000 đồng ma túy đá để sử dụng thì **Trần Thanh T** đồng ý rồi điện thoại cho **N** hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, **N** đem ma túy đến trước cổng **nhà trọ T5** thì **P** ra gặp **N** mua được 01 đoạn ống hút chứa ma túy đá đem vào phòng trọ đưa cho **T** cắt đoạn ống hút vừa mua được rồi bỏ toàn bộ ma túy đá vào bộ dụng cụ. Sau đó, **T** và **Trần Thanh T** sử dụng hút 01 hơi rồi đi về trước, còn **P** và **H1** sử dụng hết số ma túy còn lại trong bộ dụng cụ, riêng **K** vẫn ngủ trong phòng.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/4/2023, **Trần Thanh T** điều khiển xe mô tô biển số 67H1- 633.96 chở **T** đi về đến khu vực ngã ba giao nhau với đường Ba-lăng-xi thì **P** điện thoại cho **Trần Thanh T** nhờ mua thêm 200.000 đồng ma túy đá. **Trần Thanh T** liền điện thoại cho **N** hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và hẹn đem đến trước cổng nhà trọ Tư Bon cho **P** nhưng do khuya nên **N** không đồng ý. **Trần Thanh T** nói lại cho **P** biết thì **P** nhờ **Trần Thanh T** đến gặp **N** mua

200.000 đồng ma túy đá đem về phòng trọ giúp, P sẽ trả công 300.000 đồng thì Trần Thanh T đồng ý. Sau đó, Trần Thanh T chở T về phòng trọ, rồi điện thoại cho N hỏi mua thiếu 02 phần ma túy đá với tổng số tiền 500.000 đồng (mua giúp cho P 200.000 đồng và mua riêng cho Trần Thanh T 300.000 đồng) thì N đồng ý và chỉ cho Trần Thanh T vị trí cất giấu ma túy trong phòng số 07, nhà T, đường N, khu phố D, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Trần Thanh T làm theo hướng dẫn đến lấy được 02 (hai) đoạn ống hút chứa ma túy rồi dùng băng keo hai mặt dán 02 (hai) đoạn ống hút nhựa chứa ma túy vào nắp đậy nước mát của xe mô tô biển số 67H1 633.96.

Đến khoảng 01 giờ ngày 15/4/2023, Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 67H1- 633.96 đến trước cổng nhà trọ T5 rồi lấy 02 (hai) đoạn ống hút nhựa trên nắp đậy nước mát của xe ra, định đem đoạn ống hút chứa ít ma túy hơn (giá 200.000 đồng) vào đưa cho P thì bị lực lượng Công an Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã B phối hợp với Công an phường H kiểm tra, bắt quả tang cùng tang vật, thu giữ:

- 01 (một) đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu dài khoảng 02cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (M1), 01 (một) đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu dài khoảng 03cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (M2);

- 01 (một) xe mô tô loại Satria, màu sơn đỏ đen, biển số 67H1-633.96, số máy: CGA1ID193272, số khung: MH8DL11A2KL193454;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh, gắn sim thuê bao số 0343022144.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B tiến hành khám xét khẩn cấp phòng số 23, nhà T, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương do Phan Văn P thuê ở, phát hiện, thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, màu vàng, số IMEI: 35 440506 010456 2, gắn sim thuê bao số 0829073078; 01 (một) bình nhựa cứng nắp màu đỏ, trên nắp có gắn một đoạn ống thủy tinh và một đoạn ống hút màu vàng trắng.

Theo Kết luận giám định số 208 ngày 21/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (bị thu giữ), gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng: 0,2208 gam (M1) và 0,3117gam (M2).

Tại bản Cáo trạng số 213/CT-VKSBC ngày 10/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Văn P về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo **Phan Văn P** về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại **điểm a, b** khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Truy tố bị cáo **Trần Thanh T** về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Phan Văn P**; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Trần Thanh T**. Đề nghị cụ thể như sau:

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Phan Văn P** từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **P** phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội từ 09 đến 10 năm 06 tháng tù.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 01 (một) năm 06 (sáu) đến 02 (hai) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **T** phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội từ 04 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh gắn sim số 0343.022.144 của **Trần Thanh T** và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 354405060104562, gắn sim số 0829073078 của **Phan Văn P**.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 Bì thư dán kín số 208/PC09-M1, 208/PC09-M2, được niêm phong, có chữ ký của n, bị bắt **Trần Thanh T**, chữ ký cán bộ niêm phong **Đinh Công T2**, thiếu tá **Trần Văn T3**, dấu đỏ của **Công an phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương** và hình dấu đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh B**.

- Các bị cáo **Phan Văn P, Trần Thanh T** đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần

tranh luận, các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã B, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H2 và bị cáo N1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 15/4/2023 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 19 giờ ngày 14/4/2023 đến 01 giờ 00 phút ngày 15/4/2023, tại phòng số 23, nhà T, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Phan Văn P có hành vi 02 lần nhờ Trần Thanh T liên lạc với N (không rõ nhân thân lai lịch) đem ma túy đá (loại Methamphetamine) đến bán cho P tại phòng trọ số B do P thuê để ở. Sau khi có được ma túy, P rủ Trần Thanh T, Nguyễn Văn H1 và người tên T (không rõ lai lịch) cùng sử dụng ma túy tại phòng trọ của P được 02 lần (trong đó có 01 lần Trần Thanh T biết trước P nhờ liên hệ mua ma túy để cho Nguyễn Văn H1 sử dụng cùng nhưng Trần Thanh T vẫn giúp P). Sau đó, P tiếp tục nhờ Trần Thanh T trực tiếp đến mua của N 0,2208gam ma túy loại Methamphetamine và Trần Thanh T mua riêng cho mình 0,3117gam Methamphetamine thì bị phát hiện bắt quả tang.

Do đó, hành vi của bị cáo Phan Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo Trần Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bản Cáo trạng số 213/CT-VKSBC ngày 10/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo hoàn toàn có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Ngoài ra, ma túy là một loại chất độc được gây ra tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và cũng là mầm mống lan truyền các căn bệnh xã hội như HIV, AIDS,...vv. Ma túy còn là nguyên nhân dẫn đến những tội phạm khác.

Các bị cáo là thanh niên còn trẻ, có sức khỏe, về nhận thức các bị cáo biết được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy là pháp luật nghiêm cấm, thấy trước tác hại của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện bản chất xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo **P**, **T** đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Bị cáo **T** có ông, bà nội là người có công với cách mạng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017)

[4] Các bị cáo **Phan Văn P**, **Trần Thanh T** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo tham gia thực hiện tội phạm với vai trò người thực hành, cùng tham gia thực hiện tội phạm một cách tích cực, không có sự xúi giục, giúp sức hoặc câu kết chặt chẽ vai trò của từng người, do đó đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, cùng cố ý thực hiện. Bị cáo **P** là người nhờ bị cáo **T** liên hệ đối tượng tên **N** để mua ma túy về sử dụng và 02 lần tổ chức cho các con nghiện khác sử dụng trái phép chất ma túy nên vai trò của bị cáo **P** cao hơn bị cáo **T**. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ tính chất đồng phạm của vụ án để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo **Phan Văn P** là phù hợp nên chấp nhận; đối với mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo **T** về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo **T** mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh gắn sim thuê bao số 0343.022.144 thu giữ của **Trần Thanh T** và 01 điện thoại Iphone màu vàng, số IMEI: 354405060104562 gắn sim số 0829.073.078. Xét thấy, đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 02 Bì thư dán kín số 208/PC09-M1, 208/PC09-M2, được niêm phong, có chữ ký của người bị bắt **Trần Thanh T**, chữ ký cán bộ niêm phong **Đinh Công T2**, thiếu tá **Trần Văn T3**, dấu đỏ của **Công an phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương** và hình dấu đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh B** (mẫu trích đã phục vụ hết cho công tác giám định). Đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với xe mô tô loại Satria, màu sơn đỏ đen, biển số 67H1- 633.96, số máy: CGA1ID193272, số khung: MH8DL11A2KL193454 do **Lâm Văn T4** (sinh năm 1977; Nơi thường trú: **Khóm L, phường L, thị xã T, An Giang**) đứng tên đăng ký. Theo lời khai tại bút lục 178 của hồ sơ vụ án thể hiện: Anh **T4** cho bị cáo **Trần Thanh T** mượn xe để đi làm và không biết bị cáo **T** sử dụng làm phương tiện phạm tội. Ngày 10/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe mô tô cho anh **T4** là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với **Nguyễn Văn H1** có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 15/5/2023, **Công an thị xã B** ban hành ra Quyết định xử phạt hành chính 1.500.000 đồng đối với **Nguyễn Văn H1** về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

[9] Đối với người tên **N** đã bán ma túy cho **Trần Thanh T**, hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phan Văn P** và **Trần Thanh T** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Phan Văn P**:

Xử phạt bị cáo **Phan Văn P** 08 (tám) năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Phan Văn P**:

Xử phạt bị cáo **Phan Văn P** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Phan Văn P** chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 15/4/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Trần Thanh T**:

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Trần Thanh T**:

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Trần Thanh T** chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 15/4/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

3.1 Tịch thu tiêu hủy: 02 Bì thư dán kín số 208/PC09-M1, 208/PC09-M2, được niêm phong, có chữ ký của n, bị bắt **Trần Thanh T**, chữ ký cán bộ niêm phong **Đinh Công T2**, thiếu tá **Trần Văn T3**, dấu đỏ của **Công an phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương** và hình dấu đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh B**.

3.2 Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước:

- + 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh;
- + Sim điện thoại số 0343.022.144 (seri số 8984048000061289949);
- + 01 điện thoại Iphone màu vàng, số IMEI: 354405060104562;
- + Sim điện thoại sim số 0829.073.078.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/10/2023 giữa **Công an thị xã B** với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Phan Văn P**, **Trần Thanh T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo **Phan Văn P**, **Trần Thanh T** có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- CA thị xã Bến Cát;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

